|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục I.8**  **BIỂU KẾ HOẠCH NĂM 2023 NGUỒN VỐN KẾT DƯ NĂM 2022 NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ XỔ SỐ KIẾN THIẾT** (kể cả nguồn vốn kế hoạch 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022 bị hủy dự toán)  *(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)* | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: Triệu đồng* | |
| **STT** | **Danh mục dự án** | **ĐĐ XD** | **Tiến độ thực hiện** | **Tổng mức vốn đầu tư** | **Kế hoạch 2023 điều chỉnh theo NQ 14/NQ-HĐND** | | **Điều chỉnh và giao bổ sung theo thẩm quyền UBND tỉnh** | **Kế hoạch sau điều chỉnh** | | **Chủ đầu tư** |
| **Nguồn NSTT** | **Nguồn XSKT** | **Nguồn NSTT** | **Nguồn XSKT** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
|  | **Tổng số** |  |  |  | **134.175** | **35.000** | **0** | **134.175** | **35.000** |  |
| **A** | **Thực hiện dự án** |  |  |  |  |  |  |  |  | - |
| **I** | **Giao thông** |  |  |  |  |  |  |  |  | - |
| **I.1** | **Dự án chuyển tiếp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình | CM | Tối đa 3 năm | 101.830 | 12.000 |  |  | 12.000 | - | UBND huyện Cẩm Mỹ |
| 2 | Dự án xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu) | BH | Tối đa 4 năm | 614.000 | 25.681 |  |  | 25.681 | - | UBND thành phố Biên Hòa |
| 3 | Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) | BH | Tối đa 6 năm | 1.506.539 | 13.337 |  |  | 13.337 | - | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| 4 | Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) (NST 100% chi phí xây dựng) | LK | Tối đa 3 năm | 77.600 | 7.500 |  |  | 7.500 | - | UBND thành phố Long Khánh |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST 100%, không có bồi thường) | NT | Tối đa 4 năm | 157.732 | 10.000 |  |  | 10.000 | - | UBND huyện Nhơn Trạch |
| 6 | Dự án kè sông Vàm Mương - Lòng Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng) | NT | 2019-2023 | 35.136 | 3.177 |  | (119) | 3.058 | - | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 7 | Dự án đầu tư xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm chủ đầu tư) | ĐQ | 2020-2024 | 138.034 |  |  |  | - | - | - |
|  | Trong đó |  |  |  |  |  |  | - | - |  |
| a | Dự án đầu tư xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện |  |  |  | 4.580 |  |  | 4.580 | - | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh |
| **I.2** | **Dự án khởi công mới năm 2023** |  |  |  |  |  |  | - | - |  |
| 1 | Dự án chống ngập đường Đồng Khởi (đoạn từ cầu Đồng Khởi Km3+375 đến ngã 3 Thiết Giáp Km4+750), thành phố Biên Hòa | BH | Tối đa 3 năm | 30.962 | 13.000 |  |  | 13.000 | - | UBND thành phố Biên Hòa |
| **II** | **Cấp nước, thoát nước** |  |  |  |  |  |  |  |  | - |
| **II.1** | **Dự án chuyển tiếp** |  |  |  |  |  |  | - | - | - |
| 1 | Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan | BH | Tối đa 4 năm | 267.620 |  |  |  | - | - | - |
|  | Trong đó |  |  |  |  |  |  | - | - | - |
| b | Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện |  |  |  | 12.000 |  |  | 12.000 | - | UBND thành phố Biên Hòa |
| 2 | Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp 1 ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch | NT | Đến 2023 | 33.302 | 2.200 |  | (653) | 1.547 | - | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| 3 | Dự án cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định | ĐQ | Tối đa 4 năm | 65.062 | 5.700 |  |  | 5.700 | - | UBND huyện Định Quán |
| **III** | **Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản** |  |  |  |  |  |  |  |  | - |
| **III.1** | **Dự án chuyển tiếp** |  |  |  |  |  |  | - | - |  |
| 1 | Dự án kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bồi thường) | NT | Tối đa 4 năm | 207.315 | 10.000 |  |  | 10.000 | - | UBND huyện Nhơn Trạch |
| **IV** | **Môi trường** |  |  |  |  |  |  | - | - |  |
| **IV.1** | **Dự án chuyển tiếp** |  |  |  |  |  |  | - | - |  |
| 1 | Dự án gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát | BH | Đến 2024 | 73.641 |  |  | 772 | 772 | - | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh |
| **B** | **Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai** |  |  | 150.000 | 15.000 | 35.000 |  | 15.000 | 35.000 | Liên minh Hợp tác xã tỉnh |